VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
TRUNG TÂM
NGHIÊN CỨU THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN
——————— ~*~ ———————

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
————————o0o————————

BẢN TIN DỰ BÁO MỰC NƯỚC VÀ SÓNG BIỂN

(Lúc 13 giờ – ngày 10/09/2022)

Tỉnh/ TP	Huyện	Mực nước tổng cộng dự báo trong 48 giờ (cm)								
		10/09		11/09				12/09		
		13h	19h	1h	7h	13h	19h	1h	7h	13h
Quảng Ninh	Đầm Hà	-122	37	190	-50	-106	-26	162	-4	-65
	Cửa Ông	-137	50	166	-27	-116	-12	145	15	-73
TP. Hải Phòng	Hòn Dáu	-145	64	138	-7	-124	4	120	29	-78
	Bạch Long Vĩ	-121	64	139	-33	-109	6	126	9	-72
Thái Bình	Thái Thụy	-144	68	124	1	-122	9	109	33	-76
Nam Định	Hải Hậu	-144	71	103	15	-120	15	91	43	-74
Ninh Bình	Kim Sơn	-142	72	96	19	-117	16	86	43	-70
Thanh Hóa	Quảng Xương	-139	68	91	23	-112	14	81	46	-66
Nghệ An	Diễn Châu	-128	58	79	29	-103	13	70	50	-60
	Hòn Ngư	-125	57	77	30	-102	13	67	51	-59
Hà Tĩnh	Thạch Hà	-115	52	68	34	-95	15	56	54	-58
Quảng Bình	Quảng Trạch	-91	47	40	40	-80	26	27	58	-56
	Quảng Ninh	-70	45	20	41	-65	31	8	56	-49
Quảng Trị	Gio Linh	-48	42	1	39	-49	36	-8	51	-40
	Còn Cỏ	-48	47	1	35	-51	40	-6	49	-43
Thừa Thiên Huế	Hương Trà	-21	35	-16	34	-27	36	-21	43	-27
	Phú Lộc	1	28	-29	31	-9	36	-32	38	-15
TP. Đà Nẵng	Sơn Trà	17	24	-38	26	5	36	-38	32	-6
	Hoàng Sa	47	22	-46	-2	25	37	-39	6	2
Quảng Nam	Tam Kỳ	35	20	-48	19	19	38	-44	24	2
	Cù Lao Chàm	29	21	-44	20	14	37	-42	25	0
Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	42	24	-54	12	22	44	-47	19	0
	Lý Sơn	43	22	-51	10	23	41	-45	16	1
Bình Định	Phú Mỹ	44	26	-52	6	22	46	-44	14	-5
	Quy Nhơn	44	26	-53	4	21	47	-46	13	-5
Phú Yên	Tp. Tuy Hòa	48	31	-52	7	24	49	-45	12	-5
Khánh Hòa	TP. Nha Trang	46	37	-52	13	26	56	-44	18	-1
	Trường Sa	41	39	-66	5	17	53	-53	7	-7
Ninh Thuận	TP. PR-Tháp Chàm	38	38	-70	15	15	57	-59	22	-9
Bình Thuận	TP. Phan Thiết	0	95	-127	51	-14	97	-96	38	-20
	Phú Quý	33	47	-80	18	11	61	-66	19	-10
Bà Rịa Vũng Tàu	Vũng Tàu	7	109	-119	6	25	68	-46	-38	47
	Côn Đảo	33	86	-85	-32	39	47	-19	-65	57
TPHCM	Cần Giờ	8	109	-114	1	29	61	-38	-47	55
Tiền Giang	Gò Công Tây	5	112	-116	2	27	62	-39	-47	55
Bến Tre	Ba Tri	8	108	-112	-5	29	56	-32	-55	59
Trà Vinh	Duyên Hải	24	96	-98	-27	43	44	-16	-75	74
Sóc Trăng	Tân Phú	47	72	-66	-63	67	19	14	-109	96
Bạc Liêu	TP. Bạc Liêu	87	33	-7	-119	101	-16	59	-148	117
Cà Mau	Năm Căn	82	25	13	-118	82	-13	56	-129	89
	Trần Văn Thời	1	52	-17	-16	-5	25	-4	-25	10
Kiên Giang	Rạch Giá	-30	70	-18	38	-35	45	-12	29	-21
	Phú Quốc	-19	17	9	8	-25	0	-3	4	-14
	Thổ Chu	-9	13	5	7	-16	0	-7	3	-8

Vùng Biển	Độ cao sóng biển dự báo trong 48 giờ		
	Độ cao sóng lớn nhất (m)	**Hướng thịnh hành**	**Ghi chú**
Bắc vịnh Bắc Bộ	0.3 - 0.7	Đông, Đông Nam	
Nam vịnh Bắc Bộ	0.3 - 0.6	Đông	
Quảng Trị đến Quảng Ngãi	0.5 - 0.8	Đông Bắc, Đông	
Bình Định đến Ninh Thuận	0.6 - 0.7	Đông Bắc	
Bình Thuận đến Cà Mau	0.3 - 0.8	Tây Nam, Tây	
Cà Mau đến Kiên Giang	0.3 - 1.1	Tây, Tây Bắc	
Quần đảo Hoàng Sa	0.7 - 0.9	Đông Bắc	
Quần đảo Trường Sa	0.5 - 0.8	Tây Nam	
Bắc Biển Đông	1.7 - 2.5	Đông Bắc	Cảnh báo
Giữa Biển Đông	0.6 - 1.0	Đông Bắc, Bắc	
Nam Biển Đông	0.3 - 1.0	Tây, Tây Nam	

***Tin phát lúc:* 13 giờ 00**

Thời điểm phát tin dự báo tiếp theo: 13 giờ 00 ngày 11/09/2022

Người xây dựng bản tin: Đoàn Thị Thu Hà

Người soát bản tin: Lê Quốc Huy

Biến trình mực nước tổng cộng tại 10 trạm Hải văn

(Cửa Ông, Hòn Dáu, Bạch Long Vĩ, Hòn Ngư, Sơn Trà, Quy Nhơn, Phú Quý, Vũng Tàu, Rạch Giá, Phú Quốc)

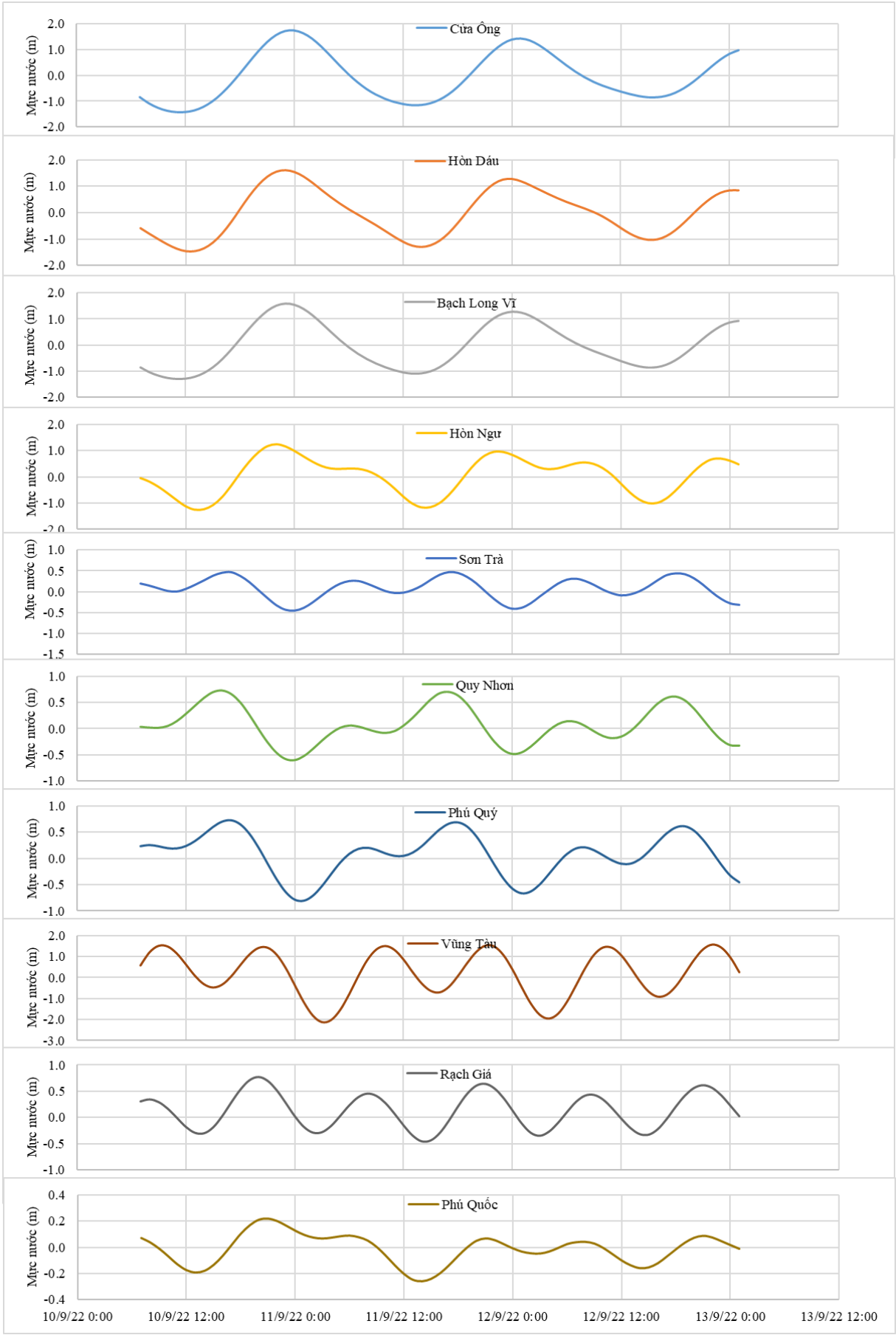

Phân bố độ cao sóng ven bờ và ngoài khơi biển Việt Nam

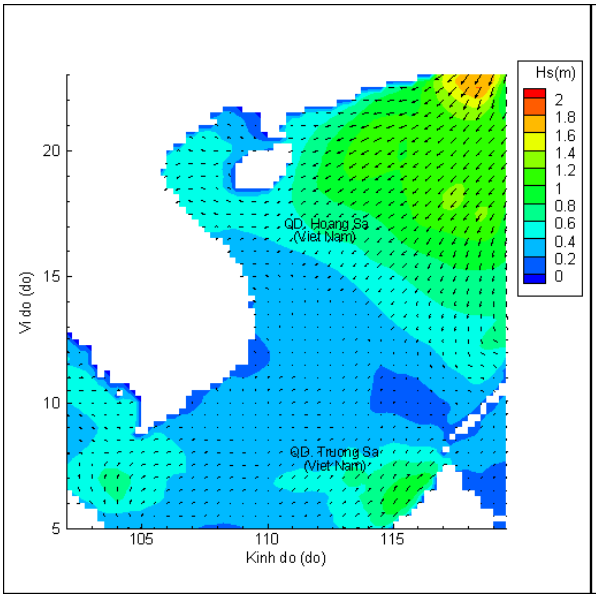

Lúc 13h ngày 10/09/2022

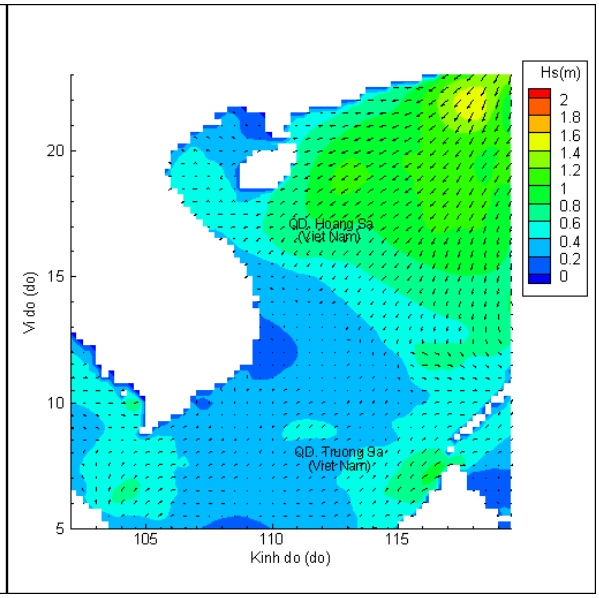

Lúc 19h ngày 10/09/2022

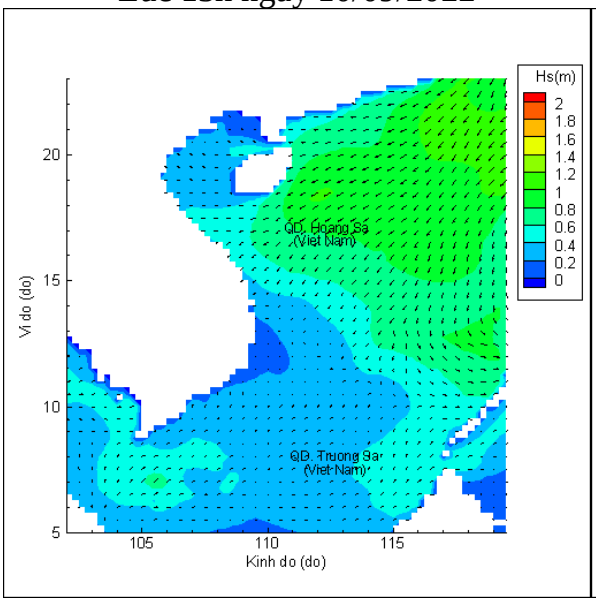

Lúc 01h ngày 11/09/2022

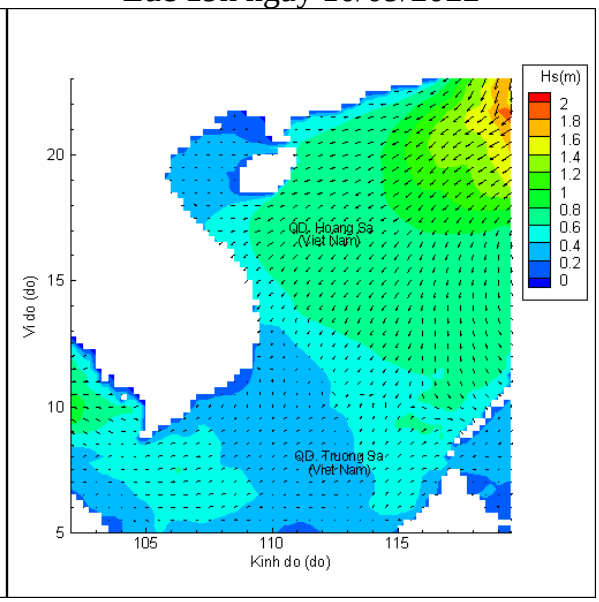

Lúc 13h ngày 11/09/2022

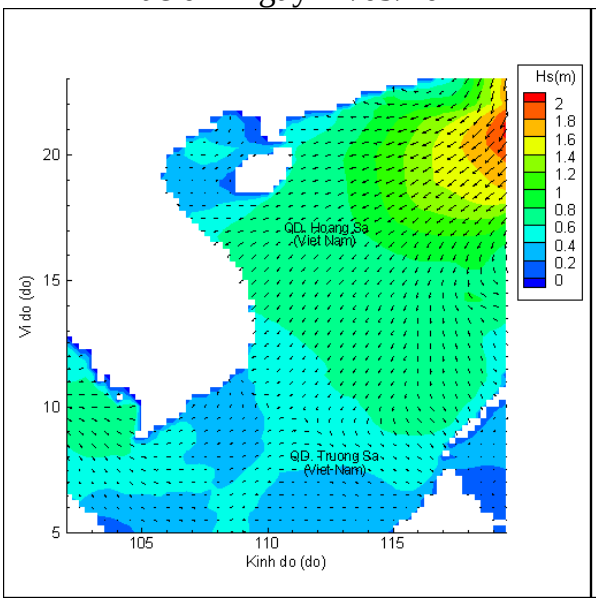

Lúc 01h ngày 12/09/2022

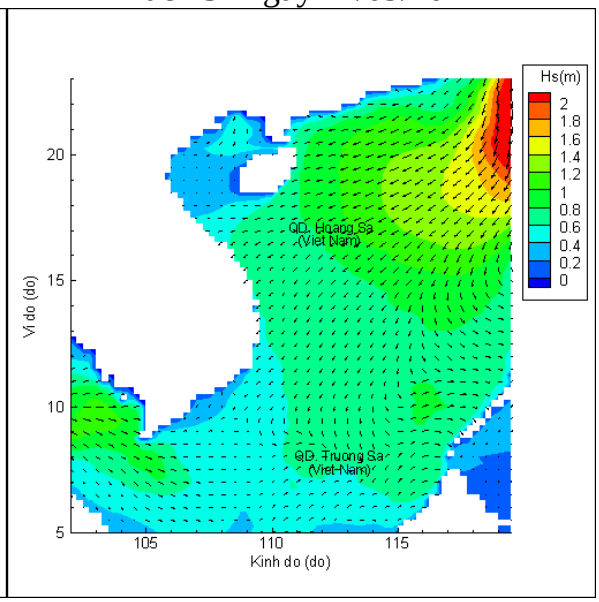

Lúc 13h ngày 12/09/2022